

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
2. Nghị định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiềm lực khoa học và công nghệ* bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất (công trình xây dựng, phòng thí nghiệm, trang thiết bị...), thông tin (tòa soạn, tạp chí khoa học, cơ sở dữ liệu...) và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
2. *Hoạt động khoa học và công nghệ* trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
3. *Nhóm nghiên cứu* là tập thể nhà khoa học từ 3 người trở lên, hợp tác triển khai hoạt động nghiên cứu, đào tạo chung nhằm mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.
4. *Nhóm nghiên cứu mạnh* là nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế đứng đầu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 3. Kế hoạch khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm trên cơ sở chiến lược phát triển của đơn vị; mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kế hoạch khoa học và công nghệ được xây dựng theo nội dung khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và thực hiện theo tiến độ của các cơ quan quản lý nhà nước và của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 4. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học và công nghệ, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trạm, trại thực nghiệm và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập theo quy định.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng được giao quyền tự chủ, giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, ký kết các hợp đồng chuyên giao công nghệ và thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo.

3. Cơ sở giáo dục đại học quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ, bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo quy định hiện hành.

4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ, cơ sở giáo dục đại học quyết định việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 5. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ đa sở hữu theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng giá trị thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được giao hoặc nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 6. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học ban hành quy định và xem xét công nhận nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định.

2. Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:

a) Cán bộ, viên chức và người học có cùng một hướng nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học, được tập hợp do một nhà khoa học có uy tín đứng đầu để phát triển một hướng nghiên cứu liên ngành;

b) Nhà khoa học trong nước và nước ngoài có uy tín cùng hướng nghiên cứu tham gia theo hình thức cộng tác viên hoặc hình thức hợp tác phù hợp khác.

3. Tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh

a) Trưởng nhóm và có ít nhất 02 thành viên chủ chốt đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều này, đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh và đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học;

b) Cơ sở giáo dục đại học nơi có trưởng nhóm công tác phải có cơ sở vật chất phù hợp với hướng nghiên cứu; có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh Chương trình nghiên cứu với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể theo từng giai đoạn và dự kiến kinh phí trong 05 năm; sản phẩm của Chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo, bản quyền tác giả, đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển giao công nghệ.

4. Tiêu chuẩn Trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh

a) Trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, là nhà khoa học có uy tín, có kinh nghiệm và thành tích trong công bố khoa học trong nước và nước ngoài, có kinh nghiệm hợp tác quốc tế và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh;

b) Thành viên chủ chốt là giảng viên của cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài, có kinh nghiệm và thành tích cao trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của Trưởng nhóm; trong trường hợp có thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín được mời từ nước ngoài tham gia, thì có thể là đồng trưởng nhóm và cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn của trưởng nhóm;

c) Thành viên khác là cán bộ, viên chức và người học của cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài, có cam kết tham gia nhóm nghiên cứu từ 06 tháng trở lên và đã có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt.

5. Nhóm nghiên cứu mạnh được Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học ưu tiên cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí đào tạo tiến sĩ, kinh phí thực hiện Chương trình nghiên cứu được phê duyệt, kinh phí mua sắm thiết bị chuyên biệt phục vụ nghiên cứu;

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 7. Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế khai thác tài sản trí tuệ đã được bảo hộ và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn giảng viên và người học thủ tục định giá tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích khi chuyển nhượng kết quả nghiên cứu cho tổ chức hoặc cho doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ theo quy định.

Trong trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp của nhà tài trợ, cơ sở giáo dục đại học đàm phán với nhà tài trợ về việc giao quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh khi kết quả nghiên cứu được ứng dụng.

2. Cơ sở giáo dục đại học phổ biến và tập huấn cho cán bộ, viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài.

Điều 8. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học

1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

Điều 9. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học khuyến khích đơn vị trực thuộc và giảng viên, người học thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, ký kết hợp đồng, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp ngoài cơ sở giáo dục đại học, chuyển giao công nghệ ra nước ngoài theo quy định hiện hành.

Điều 10. Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan, kết nối hợp tác nghiên cứu giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, chủ động thỏa thuận và ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp.

2. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ cho doanh nghiệp theo hợp đồng tư vấn, thẩm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

3. Cơ sở giáo dục đại học được thu hút tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học và công nghệ và khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung.

5. Doanh nghiệp được nhận chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học theo thỏa thuận.

6. Cơ sở giáo dục đại học, cán bộ, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ được thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kết quả nghiên cứu và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

Điều 11. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc văn bản hợp tác song phương giữa cơ sở giáo dục đại học với đối tác nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hai nước.

2. Cơ sở giáo dục đại học lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để thỏa thuận hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, hợp tác song phương và đa phương gắn với đào tạo sau đại học tại nước ngoài; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức và người học đi học ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.

3. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc hệ thống tạp chí ISI và Scopus; nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thường niên trong một số lĩnh vực có thế mạnh, mời các nhà khoa học của đối tác nước ngoài cùng chủ trì hoặc tham gia; tổ chức mạng lưới phản biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Cơ sở giáo dục đại học được thu hút chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ; cử các nghiên cứu sinh, thực tập sinh tham gia nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.

5. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt để thuê khoán chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được thu hút tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác

nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác.

6. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học được ký kết hợp đồng thuê khoán chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tham gia thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu của nước ngoài.

Điều 12. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nâng cấp tạp chí khoa học, thực hiện hoạt động tìm kiếm, thu thập, xử lý, xây dựng, lưu trữ, phổ biến, trao đổi thông tin khoa học công nghệ và các hoạt động khác có liên quan trực tiếp nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập) và phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức các hoạt động thư viện; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

Điều 13. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các nội dung sau:

a) Xây dựng phòng thí nghiệm tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ;

b) Số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài;

c) Mua tài sản trí tuệ, mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định hiện hành;

d) Các nội dung khác theo quy định.

2. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực mạnh về nhân lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng, trong đó đặc biệt ưu tiên cơ sở giáo dục đại học đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh;

b) Cơ sở giáo dục đại học đóng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

c) Cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin và cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Điều 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

c) Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp);

d) Hằng năm, kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, nếu chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, phải được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

b) Dự án đầu tư cho cơ sở vật chất, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu bảo dưỡng, tăng cường trang thiết bị để phát triển khoa học và công nghệ;

c) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng;

d) Hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;

e) Chi đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có);

g) Chi các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.

4. Cơ sở giáo dục đại học ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 15. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Nguồn vốn cho khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học gồm:

a) Ngân sách nhà nước từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo chi cho đào tạo tiến sĩ trong nhóm nghiên cứu mạnh;

b) Nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học;

c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Ngân sách nhà nước trong cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau đây:

a) Vốn từ sự nghiệp khoa học và công nghệ: Tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của của nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả; phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; chi thưởng theo mức lương cơ sở cho công bố khoa học có giá trị và các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành;

Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thưởng tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ. Kinh phí thưởng được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác của cơ sở giáo dục đại học;

b) Vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Dự án phòng thí nghiệm đầu tư, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng thí nghiệm liên ngành; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu; dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ khác;

c) Vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh.

3. Nguồn vốn của cơ sở giáo dục đại học: Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, chi đối ứng hoạt động khoa học và công nghệ được tài trợ bởi ngân sách nhà nước (nếu có), chi thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của cơ sở giáo dục đại học.

4. Nguồn vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ: Cơ sở giáo dục đại học thỏa thuận với nhà tài trợ để thực hiện chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

Điều 16. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi một phần theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục đại học cần xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định cho phù hợp.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Cơ sở giáo dục đại học được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ nguồn thu hợp pháp và nguồn tài chính do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ (gọi chung là nhà tài trợ) khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký;

b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí có thể căn cứ vào nội dung công việc và mức giá cả thị trường thực tế hoặc có thể áp dụng định mức như quy định hiện hành và thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có).

4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện độc lập và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 17. Tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chủ động sử dụng tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động liên doanh, liên kết để sản xuất kinh doanh và làm dịch vụ; có thể góp vốn vào doanh nghiệp, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý theo quy định của hội đồng trường, hội đồng đại học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- a) Là cơ quan thường trực giúp Chính phủ triển khai Nghị định này;
- b) Chủ trì ban hành hướng dẫn về nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh;
- c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

2. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bố trí vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp cho cơ sở giáo dục đại học;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tổng hợp các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của các bộ, ngành, địa phương vào dự toán ngân sách trung hạn và hàng năm trình Chính phủ phê duyệt.

5. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này đối với cơ sở giáo dục đại học trực thuộc, hàng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện;

b) Chủ trì hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học trực thuộc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Hàng năm ưu tiên phê duyệt và giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố cho cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

2. Ban hành chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ khoa học trình độ cao làm việc tại cơ sở giáo dục đại học trực thuộc; có chính sách huy động nguồn tài chính từ doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học trực thuộc từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

6. Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Doanh nghiệp sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học và các hoạt động khoa học và công nghệ khác mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp đặt hàng cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ theo danh mục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên.

3. Doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên quảng bá, giới thiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, được khai thác tài sản đầu tư và được hưởng tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học.

4. Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

5. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được phê duyệt.

2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định tại Nghị định này.

3. Cơ sở giáo dục đại học khen thưởng cán bộ, giảng viên và người học khi hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, công bố quốc tế trên các tạp chí ISI.

4. Cơ sở giáo dục đại học tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

5. Cơ sở giáo dục đại học đảm bảo sử dụng đúng mục đích, minh bạch, hiệu quả nguồn vốn đầu tư và chịu trách nhiệm giải trình về đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học.

6. Cơ sở giáo dục đại học ban hành các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, chịu trách nhiệm về phân cấp quản lý và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

7. Cơ sở giáo dục đại học tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

8. Cơ sở giáo dục đại học đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

Nguyễn Xuân Phúc

